| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH KON TUM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 43 /2023/QĐ-UBND | *Kon Tum, ngày 21 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước:*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 29/TTr-SKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VB QPPL*);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, KGVX$_{PTDL.}$

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

**Lê Ngọc Tuấn**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH KON TUM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

**QUY ĐỊNH**

**Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*(Kèm theo Quyết định số: 43 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các tổ chức, cá nhân thực hiện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức lập dự toán quy định tại Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

## Chương II

## QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà

nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC).*

2. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước *(sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN).*

**Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 24 triệu đồng/người/tháng, cấp cơ sở tối đa không quá 16,8 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Hệ số lao động khoa học của các chức danh; Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

c) Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước *(nếu có):* Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế *(đoàn ra, đoàn vào)* phục vụ hoạt động

nghiên cứu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND*); Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND*) và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND)*; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng.*

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Định mức chi | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở |
| 1 | Người chủ trì | Buổi | 1.000 | 800 |
| 2 | Thư ký hội thảo | Buổi | 300 | 180 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo | Báo cáo | 1.350 | 790 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 660 | 400 |
| 5 | Đại biểu được mời tham dự | thành viên/ buổi | 130 | 80 |

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

6. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh

giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/nhiệm vụ.

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

**Điều 5. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hội đồng cấp tỉnh | | Hội đồng cấp cơ sở | |
| | | | Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Đề tài khoa học và công nghệ | Dự án khoa học và công nghệ |
| **1** | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | | | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng | | | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 660 | 570 | 390 | 340 |
| | Phó Chủ tịch hội | | 530 | 440 | 310 | 270 |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hội đồng cấp tỉnh | | Hội đồng cấp cơ sở | |
| | | | Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Đề tài khoa học và công nghệ | Dự án khoa học và công nghệ |
| | đồng; thành viên hội đồng | | | | | |
| | Thư ký khoa học | | 180 | 150 | 100 | 90 |
| | Thư ký hành chính | | 180 | 150 | 100 | 90 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 120 | 100 | 70 | 60 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 200 | 180 | 110 | 100 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 330 | 280 | 200 | 170 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ | | | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 420 | 350 | 250 | 210 |
| | Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 300 | 250 | 180 | 150 |
| **2** | **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN** | | | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng | | | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.000 | 830 | 600 | 500 |
| | Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 660 | 550 | 400 | 330 |
| | Thư ký khoa học | | 180 | 150 | 100 | 90 |
| | Thư ký hành chính | | 180 | 150 | 100 | 90 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 120 | 100 | 70 | 60 |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hội đồng cấp tỉnh | | Hội đồng cấp cơ sở | |
| | | | Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Đề tài khoa học và công nghệ | Dự án khoa học và công nghệ |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá/ Hồ sơ | | | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 330 | 270 | 200 | 170 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 470 | 390 | 280 | 220 |
| **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN** | | | | | |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ | | | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.000 | 830 | 600 | 490 |
| | Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 660 | 550 | 400 | 330 |
| | Thư ký khoa học | | 180 | 150 | 100 | 90 |
| | Thư ký hành chính | | 180 | 150 | 100 | 90 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 120 | 100 | 70 | 60 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 330 | 280 | 200 | 170 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 460 | 380 | 280 | 230 |
| **4** | **Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.** | Chuyên gia | **900** | **750** | **540** | **450** |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hội đồng cấp tỉnh | | Hội đồng cấp cơ sở | |
| | | | Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh. | Đề tài khoa học và công nghệ | Dự án khoa học và công nghệ |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 460 | 380 | 280 | 230 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 330 | 280 | 200 | 170 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 180 | 150 | 100 | 90 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 120 | 100 | 70 | 60 |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông *(báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác):* Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước *(nếu có),* thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

## Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.